

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **DƯƠNG CÔNG DOANH**

2. Ngày tháng năm sinh: **22/08/1987**; Nam Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Căn hộ 906, Tòa nhà NƠ 7A, Đường Nguyễn Duy Trinh, Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **Căn hộ 906, Tòa nhà NƠ 7A, Đường Nguyễn Duy Trinh, Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.**

Điện thoại di động: **0982.273.187**; E-mail: **doanhdc@neu.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 9/2011 đến nay: **Giảng viên, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường đại học Kinh tế Quốc dân**

Chức vụ hiện nay: **Không**;

Chức vụ cao nhất đã qua: **Không**

Chức danh: **Giảng viên chính, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường đại học Kinh tế Quốc dân**



Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

Địa chỉ cơ quan: **207 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**

Điện thoại cơ quan: **024.36.280.280**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày **22 tháng 8 năm 2010**; số văn bằng: **00124848**; ngành: **Quản trị kinh doanh**, Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam**.

- Được cấp bằng ThS thứ nhất ngày **04 tháng 05 năm 2016**; số văn bằng: **HN04/K22A**; ngành: **Quản trị kinh doanh**; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Trung tâm Pháp-Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) (do Phòng Thương mại và Công nghiệp Paris, Cộng Hòa Pháp và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đồng cấp), Việt Nam**.

- Được cấp bằng ThS thứ hai ngày **27 tháng 03 năm 2017**; số văn bằng: **31/15/1340/B**; ngành: **Khoa học quản trị**; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Trường Kinh doanh KEDGE, Cộng hòa Pháp**.

- Được cấp bằng TS ngày **27 tháng 03 năm 2020**; số văn bằng: **NCS/2020/D2/14**; ngành: **Quản trị kinh doanh**; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.1**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu 1: Khởi sự kinh doanh và đổi mới sáng tạo.**

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn luận văn thạc sĩ: Số thứ tự [1] trong mục 4 (1/3 HVCH)

- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [3] trong mục 5 (1/6 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [3], [5], [7] trong mục 5 (3/7 đề tài)

Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [3], [4], [5], [13], [14], [16], [17], [18], [29], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [37], [39], [40], [42], [45], [46], [48], [50], [51], [53], [54], [55], [57], [58], [59], [60], [61], [65] trong mục 7 (35/69 bài báo)

- Hướng nghiên cứu 2: Kinh doanh bền vững và hành vi người tiêu dùng.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn luận văn thạc sĩ: Số thứ tự [3] trong mục 4 (1/3 HVCH)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [4] trong mục 5 (1/6 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [1], [2] trong mục 6 (2/7 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [2], [7], [8], [19], [21], [22], [23], [25], [27], [36], [38], [41], [47], [49], [52], [62], [63], [64] trong mục 7 (18/69 bài báo).

- Hướng nghiên cứu 3: Hành vi tổ chức (lãnh đạo, chia sẻ tri thức, tạo động lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm, đầu tư, ...) và tâm lý học hành vi.

- Hướng dẫn luận văn thạc sĩ: Số thứ tự [2] trong mục 4 (1/3 HVCH)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [1], [2], [5], [6] trong mục 5 (4/6 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [2], [6] trong mục 6 (2/7 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [6], [9], [10], [11], [12], [20], [24], [26] [28], [43], [44], [56], [66], [67], [68], [69] trong mục 7 (16/69 bài báo).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS** (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **7 đề tài**, trong đó:

- Chủ nhiệm **01 đề tài nhánh** thuộc Đề tài KH &CN cấp Quốc gia
- Chủ nhiệm **02 đề tài cấp Cơ sở**
- Thư ký **01 đề tài cấp Cơ sở**
- Thành viên chính **03 đề tài cấp Bộ và cấp Cơ sở.**

- Đã công bố (số lượng) **69 bài báo khoa học**, trong đó,

- **33 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus trước và sau Tiến sĩ (trong đó: hầu hết thuộc các NXB uy tín như Elsevier, Emerald, và Sage, **09** bài báo khoa học có IF > 2, **01** bài báo khoa học có IF > 10).
- Là tác giả duy nhất và tác giả chính của **26 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus (bao gồm cả trước và sau Tiến sĩ), trong đó có nhiều bài báo khoa học được trích dẫn > 100 lần.
- **02 bài báo khoa học** trên tạp chí quốc tế có uy tín không thuộc danh mục ISI/Scopus.
- **15 bài báo khoa học** trên các tạp chí uy tín trong nước, trong đó: là tác giả duy

nhất và tác giả chính của **08 bài báo khoa học** đăng trên tạp chí **Kinh tế & Phát triển**.

- **14 bài báo khoa học** trên **kỷ yếu hội thảo quốc tế**, trong đó: là tác giả chính và duy nhất của **13 bài báo khoa học** trên **kỷ yếu hội thảo quốc tế**.
 - **05 bài báo khoa học** trên **kỷ yếu hội thảo quốc gia**, trong đó: là tác giả chính của **02 bài báo khoa học** trên **kỷ yếu hội thảo quốc gia**.
- Số lượng sách đã xuất bản: 06 sách, tất cả đều thuộc NXB có uy tín, trong đó:
- **Chủ biên 01 giáo trình**
 - **Tham gia** viết các chương của **05 giáo trình** và **sách tham khảo**.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu “**Nhà khoa học tiêu biểu**” năm học **2021-2022** (QĐ số 1990/QĐ-DHKTQD).
- Danh hiệu “**chiến sĩ thi đua cấp cơ sở**”, năm học 2021-2022 (QĐ số 1988/ QĐ-DHKTQD).
- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế quốc dân về **thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học** năm 2021 (QĐ số 290/ QĐ-DHKTQD).
- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế quốc dân về thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt nhiều giải thưởng năm 2021 (QĐ số 1969/ QĐ-DHKTQD).
- Giấy khen Hiệu trưởng ĐH Kinh tế quốc dân về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021 (QĐ số 1739/ QĐ-DHKTQD)
- Bằng khen **Bộ trưởng Bộ GD & ĐT** về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm 2018-2019 đến năm học 2019-2020.
- Giấy khen Hiệu trưởng ĐH Kinh tế quốc dân về đạt kết quả xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2020.
- Danh hiệu “**chiến sĩ thi đua cấp cơ sở**”, năm học 2019-2020 (QĐ số 2416/ QĐ-DHKTQD)
- Giấy khen Hiệu trưởng ĐH Kinh tế quốc dân về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019 (QĐ số 2268/ QĐ-DHKTQD).
- Giấy khen Hiệu trưởng ĐH Kinh tế quốc dân về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2016-2017 (QĐ số 2233/ QĐ-DHKTQD)
- Giấy khen Hiệu trưởng ĐH Kinh tế quốc dân về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015-2016 (QĐ số 2588/ QĐ-DHKTQD).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi được Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tuyển dụng làm giảng viên đại học từ năm 2011, nhận 01 bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Trung tâm Pháp-Việt đào tạo về Quản lý (CFVG), 01 bằng thạc sĩ về Khoa học quản trị tại trường Kinh doanh

KEDGE, Bordeaux, Cộng Hòa Pháp, và được nhận học vị Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh năm 2020 tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Trong hơn 11 năm qua, với vị trí là một giảng viên đại học, tôi luôn luôn cố gắng tu dưỡng phẩm chất đạo đức, nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về giảng dạy, hướng dẫn các chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ, và tiến sĩ; tham gia tích cực và đạt nhiều thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học thông qua chủ nhiệm và tham gia các đề tài các cấp, công bố các bài báo trên các tạp chí và hội thảo trong và ngoài nước, đồng thời luôn hoàn thành các nhiệm vụ khác do Trường, Khoa, và Bộ môn giao phó. Cụ thể, tôi xin tự đánh giá về các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo các mặt công tác sau:

Về phẩm chất đạo đức: Tôi luôn không ngừng nỗ lực rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức và luôn giữ lập trường tư tưởng vững vàng. Tôi luôn giữ gìn uy tín và danh dự của một nhà giáo, nêu gương tốt cho người học, đối xử công bằng, tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học. Tôi cũng luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; cũng như các quy định của Trường, Khoa và Bộ môn.

Về công tác giảng dạy và hướng dẫn khoa học: Tôi đã tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học các chương trình từ bậc cử nhân, thạc sĩ, và tiến sĩ, bao gồm các chương trình Tiếng Việt và Tiếng Anh. Trong công tác giảng dạy, tôi luôn áp dụng những phương pháp giảng dạy mới và tiên tiến nhằm nâng cao nghiệp vụ giảng dạy, đáp ứng hơn nữa những yêu cầu của Trường, Khoa, và Bộ môn. Tôi luôn tham gia với nhiệt huyết của một người giảng viên và cũng nhận được những đánh giá cao từ phía người học. Tôi cũng luôn hướng dẫn tận tình và hỗ trợ sinh viên đại học làm nghiên cứu khoa học và chuyên đề tốt nghiệp, các học viên cao học làm luận văn thạc sĩ và 02 nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ. Ngoài ra, một số nhóm sinh viên tôi hướng dẫn nghiên cứu khoa học đã đạt được giải thưởng cao cấp Trường.

Về nghiên cứu khoa học: Tôi luôn ý thức được vai trò quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học đối với một giảng viên đại học. Vì vậy, ngay từ khi về Trường công tác, tôi đã luôn chủ động viết và công bố các nghiên cứu trên các tạp chí và hội thảo trong và ngoài nước (69 công bố trên tạp chí và hội thảo trong nước và quốc tế trải đều qua các năm). Có nhiều tạp chí có IF rất cao và thuộc phân nhóm Q1. Tôi cũng luôn cố gắng tham gia các đề tài nghiên cứu đề tài các cấp (từ cấp cơ sở, cấp Bộ, và cấp Quốc gia), viết sách và giáo trình. Ngoài ra, tôi cũng tích cực tham gia đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế. Hiện nay, tôi là thành viên của Hội đồng biên tập (associate editor) của 02 tạp chí ISI/Scopus Q1 và 01 tạp chí quốc tế khác, bao gồm:

- Entrepreneurial Business and Economics Review (ESCI/Scopus Q1) [<https://eber.uek.krakow.pl/index.php/eber/about/editorialTeam>]
- Oeconomia Copernicana (SSCI/Scopus Q1, IF = 6.574) [<http://economic-research.pl/Journals/index.php/oc/reviewing>].
- International Entrepreneurial Review [<https://ier.uek.krakow.pl/index.php/pm/about/editorialTeam>]

Đồng thời, Tôi cũng tham gia phản biện độc lập cho nhiều tạp chí khoa học thuộc các nhà xuất bản uy tín như Elsevier, Emerald, và Sage, bao gồm:



- International Entrepreneurship and Management Journal (SSCI: IF= 6.150/Scopus Q1)
- Entrepreneurship & Regional Development (SSCI: IF= 7.113/Scopus Q1)
- The International Journal of Management Education (SSCI: IF= 4.564/Scopus Q1)
- Journal of Retailing and Consumer Services (SSCI: IF= 10.972/Scopus Q1)
- Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics (SSCI: IF= 4.643/Scopus Q1)
- Studies in Higher Education (SSCI: IF= 4.536/Scopus Q1)
- Management Decision (SSCI: IF= 5.589/Scopus Q1)
- Marketing Intelligence & Planning (SSCI: IF= 4.338/Scopus Q1)
- Heliyon (SCIE: IF= 3.776/Scopus Q1)... và nhiều tạp chí khác.

Như vậy, tôi nhận thấy mình có đầy đủ các tiêu chuẩn của Nhà giáo. Tôi không ngừng rèn luyện, học tập, và trau dồi nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học để đáp ứng tốt hơn nữa các yêu cầu đổi mới của đất nước, của ngành và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 9 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	-	-	-	10	398	-	398/426.8/270
2	2018-2019	-	-	-	11	697	-	697/748.8/270
3	2019-2020	-	-	-	10	726	-	726/783.6/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021	-	-	-	12	660	-	660/705/270
5	2021-2022	-	-	03	9	519	-	519/557.4/270
6	2022-2023	-	-	-	10	534	144	678/879.6/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:.....; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: **Cộng Hòa Pháp, năm 2014-2015**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

Tham gia giảng dạy chương trình tiên tiến và chất lượng cao, chương trình Quản trị chất lượng và đổi mới bằng Tiếng Anh (EMQI), Quản trị điều hành thông minh bằng Tiếng Anh (ESOM), và chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh liên kết với Đại học Dongseo, Hàn Quốc (DSU), các môn bao gồm: Quản trị kinh doanh (Business Management), Ra quyết định kinh doanh (Decision-Making in Management), và Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship).

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hoàng Huệ Chi		X	X		2021-2022	Đại học Kinh tế Quốc dân	Cấp bằng ngày 22/04/2022
2	Phạm Việt Tiến		X	X		2021-2022	Đại học Kinh tế Quốc dân	Cấp bằng ngày 22/04/2022
3	Phạm Trung Đức		X	X		2021-2022	Đại học Kinh tế Quốc dân	Cấp bằng ngày 22/04/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

- **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [1] (1/3 HVCH)
- **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [3] (1/3 HVCH)
- **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [2] (1/3 HVCH).

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận TS							
1	Giáo trình Kiểm soát	GT	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2018; ISBN: 978-604-946-605-2	10	Thành viên	327-353	ĐH KTQD
2	Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh	GT	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2019; ISBN: 978-604-946-473-7	12	Thành viên	316-332	ĐH KTQD
II Sau khi được công nhận TS							
3	Giáo trình Tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp	GT	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2023; ISBN: 978-604-330-372-8	1	Chủ biên	1-511	ĐH KTQD
4	Giáo trình Quản trị kinh doanh (tập 1)	GT	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2022; ISBN: 978-604-330-331-5	3	Thành viên	268-332	ĐH KTQD
5	Giáo trình Quản trị kinh doanh (tập 2)	GT	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2022; ISBN: 978-604-330-565-4	8	Thành viên	160-172; 184-216	ĐH KTQD
6	The Microeconomics Case Studies	TK	Wydawnictwo SIZ, Ba Lan; 2020; ISBN 978-83-65766-27-4	20	Thành viên	6-7; 28-29	ĐH KTQD

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

- **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [3] (1/6 sách)
- **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [4] (1/6 sách)
- **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [1], [2], [5], [6] (4/6 sách).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	A study in resource mobilization of Vietnamese social enterprises (Huy động nguồn lực tại các doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam)	TK	KTQD/E2016.11 Đề tài cấp cơ sở	02/03/2016- 02/03/2017	06/11/2017 Xếp loại: Tốt
2	Chia sẻ tri thức của giảng viên đại học khối kinh tế-quản trị kinh doanh tại Việt Nam “Knowledge sharing among lecturers of Vietnam economic-business management universities”	TV	KTQD/E2017.18 Đề tài cấp cơ sở	16/01/2017 23/04/2018	23/04/2018 Xếp loại: Xuất sắc
3	Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên nền tảng giáo dục đại học ở Việt Nam	TV	KTQD/V2018.02 Đề tài cấp cơ sở	25/01/2018 20/05/2019	20/05/2019 Xếp loại: Tốt

4	Nghiên cứu các giải pháp chủ yếu nâng cao năng suất, chất lượng và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.9	TV	RD40-19 Đề tài cấp Bộ	23/07/2019 23/07/2021	20/04/2021 Xếp loại: Khá
5	Ảnh hưởng của đào tạo đến dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên tại Việt Nam	CN	KTQD/V2019.74 Đề tài cấp cơ sở	25/7/2019- 25/7/2020	22/02/2020 Xếp loại: Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận TS				
6	Thực trạng hoạt động của các tổ chức trung gian của thị trường khoa học công nghệ ngành thủy sản	CN	TTKHCN.ĐT.01-20 Đề tài nhánh thuộc Đề tài KH&CN cấp Quốc gia	31/03/2020- 31/12/2020	31/12/2020 Xếp loại: Tốt
7	How entrepreneurial attitudes and intentions complement to trigger entrepreneurial behaviors: The role of gender (Ảnh hưởng kết hợp của thái độ và ý định tới hành vi khởi sự kinh doanh: Vai trò của giới tính)	CN	NEU-E.2022.11 Đề tài cấp cơ sở	15/07/2022- 15/07/2023	31/05/2023 Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

- Hướng nghiên cứu 1: Số thứ tự [3], [5], [7] (3/7 đề tài)
- Hướng nghiên cứu 2: Số thứ tự [1], [2] (2/7 đề tài)
- Hướng nghiên cứu 3: Số thứ tự [2], [6] (2/7 đề tài)

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS								
I.1 Tạp chí khoa học quốc tế								
1	Factors related to the intention of starting a business: A study among students in Vietnam	2	X	Problemy Zarzadzania – Management Issues, ISSN 1644-9584; e-ISSN 2300-8792	ISI (ESCI)	Google scholar: 5	Vol. 17, No. 6 (68), 133-157, https://doi.org/10.7172/1644-9584.86.8	01/2020
2	Customers' awareness of Corporate social responsibility in Vietnam and Poland	2	X	Folia Oeconomica, ISSN: 0208-6018		Google scholar: 5	Vol. 1 No.346, 43-61 http://dx.doi.org/10.18778/0208-6018.346.03	2/2020
3	Entrepreneurial self-efficacy and intention among Vietnamese students: A meta-analytic path analysis based on the theory of planned behaviour	2	X	Procedia Computer Science; ISSN: 1877-0509	Scopus	Google scholar: 100	Vol. 159, 2447-2460, https://doi.org/10.1016/j.procs.2019.09.420	10/2019
I.2 Tạp chí khoa học trong nước								
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của cảm nhận tham nhũng tới dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 257, trang 58-67	11/2018

ĐQC

5	So sánh tình hình khởi sự kinh doanh của Việt Nam và Ba Lan	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, ISSN: 0868-3581			Số 10(217), trang 75-86	10/2018
6	Vấn đề nâng cao hiệu quả đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 1859-4972			Số 16, trang 78-80	06/2018
7	Nhận thức của người lao động về việc thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 227(II), 38-45	5/2016
8	Nhận thức của người tiêu dùng về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 217(II), trang 24-32	7/2015
9	Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước đối với phát triển thị trường công nghệ	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 205(II), 17-22	7/2014
10	Tăng cường công tác quản lý hoạt động đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	3		Tạp chí Quản lý kinh tế, ISSN: 1859-039X			Số 59, trang 47-54	3&4/2014
11	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của các doanh nghiệp dược phẩm Việt Nam trong điều kiện khủng hoảng kinh tế toàn cầu	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 193 (II), trang 26-35	7/2013
12	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới tại công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1- Pharbaco	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 181 (II), trang 74-77	7/2012
I.3 Hội thảo khoa học quốc tế								
13	A Study of Gender and Age Differences in Entrepreneurial Intention among Vietnamese Students	2	X	The International E-Conference “Enterprises in the global economy”, Filodiritto			71-76	11/2018

				Editore- Proceedings, Bologna, Italy. ISBN 978-88- 85813-31-1				
14	Effect of educational background on entrepreneurial intention: insights from Vietnam	1	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “1st International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business (1st CIEMB 2018)”, Hanoi, Vietnam. ISBN: 978-604-65-3728-1			1968-1984	11/2018
15	Public pension reserve funds in Vietnam and Poland: A comparative analysis	4	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “The 2nd Asia Pacific Management Research Conference - Innovation and Strategic Alliance for Sustainable Development”, Hanoi, Vietnam, ISBN: 978-604-95-0644-4			175-187	11/2018
16	Barriers to entrepreneurial intention among Vietnamese and Polish students: A Cross-country comparison	1	X	5th International Asian Congress, “The Diversity of Asia in the issues of Culture, Religions, and Ethics”, Toruń, Poland, ISBN 978-83-66220-74-4			153-176	10/2018

17	The effect of internal and external barriers on Vietnamese students' entrepreneurial intention	1	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International conference startup and innovation nation (ICYREB-2018)”, Hanoi, Vietnam, ISBN: 978-604-79-1930-7		30-43	09/2018
18	Self-efficacy, perceived behavioral control and entrepreneurial intention among Polish students in the context of industry 4.0: assessing the effect of education level	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Business sustainability in the context of industry 4.0, Hanoi”, Hanoi, Vietnam, ISBN: 978-604-65-3661-1		215-230	09/2018
19	The reality of agrochemical industry and its vulnerabilities in the Mekong River Delta, Vietnam	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “6th International Conference on Emerging Challenges: Strategic Integration”, Hanoi, Vietnam, ISBN 978-604-95-0358-0		75-83	12/2017
20	An analysis of the development of leaders training programme in Vietnam	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “6th International Conference on Emerging Challenges: Strategic Integration”, Hanoi, Vietnam, ISBN 978-604-95-0358-0		376-384	12/2017

21	Risk management in the agrochemical supply chain towards sustainable development in the Mekong River Delta	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International Conference on Sustainable Production and Consumption (ICSDB 2017)”, Hanoi, Vietnam, ISBN 978-604-946-314-3			278-298	11/2017
22	Growing awareness of CSR implementation towards sustainable development in Vietnam	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Năng lực doanh nghiệp và công cụ đánh giá-International Conference on Business capacity: Model and Assessment Tools”, Hanoi, Vietnam, ISBN 978-604-64-4064-2			47-66	12/2016
23	How to implement the supply chain risk management in agrochemical industry in the Mekong delta, Vietnam	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International Conference on Emerging Challenges (ICECH 2016): Partnership Enhancement”, ISBN 978-604-93-8961-0			597-609	12/2016
24	Policies to promote applying patents in Vietnam’s social enterprises	3		Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International conference on the ecosystem for social entrepreneurship and social innovation” (ICSE 2016)			81-88	03/2016

25	Vietnamese Manager's and Staff's Awareness of Corporate Social Responsibility Implementation in Enterprises	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế "International conference on emerging challenges (ICECH 2015): Managing to success", ISBN: 987-604-938-723-4			481-495	12/2015
I.4 Hội thảo khoa học quốc gia								
26	Tiêu chí đo lường về giá trị giao dịch công nghệ	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia "Khai thác và thương mại hóa sáng chế trong một số ngành có lợi thế cạnh tranh", ISBN: 978-604-946-172-9			183-192	9/2016
II SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS								
II.1 Tạp chí khoa học quốc tế								
27	What goes around comes around": Activating sustainable consumption with curvilinear effects of karma determinants	1	X	Journal of Retailing and Consumer Services, ISSN: 0969-6989		ISI (SSCI); IF = 10.972; Scopus Q1	Vol. 73, No.103351 1-15 DOI: 10.1016/j.jretconser.2023.103351	4/2023
28	Practices regarding the COVID-19 outbreak and life satisfaction: A moderated mediation model of psychological distress and fear of COVID-19	1	X	Acta Psychologica		ISI (SSCI); IF = 1.984; Scopus Q1	Vol.237, No.103937, 1-9, DOI: 10.1016/j.actpsy.2023.103937	5/2023
29	A serial mediation model of the relation between cultural values, entrepreneurial self-efficacy, intentions	3		Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity, ISSN: 2199-		Scopus Q1	Vol. 9, Issue 2, No.100064, DOI: 10.1016/j.joi tmc.2023.10	05/2023

	and behaviors: Does entrepreneurial education matter? A multi-group analysis			8531			0064	
30	The single, complementary, balanced, and imbalanced influences of entrepreneurial attitudes and intentions on entrepreneurial behaviors: Polynomial regression with response surface analysis	2	X	Heliyon, ISSN: 2405-8440	Google scholar: 2	ISI (SCIE), IF= 3.776; Scopus Q1	Vol.9, Issue 3, No. e14604, 1-17 DOI: 10.1016/j.heliyon.2023.e14604	03/2023
31	Karmic beliefs and social entrepreneurial intentions: A moderated mediation model of environmental complexity and empathy	1	X	Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity, ISSN: 2199-8531		Scopus Q1	Vol. 9, Issue 1, No.100022, 1-11 DOI: 10.1016/j.joitmc.2023.100022	03/2023
32	A moderated mediation model of perceived barriers, entrepreneurial self-efficacy, intentions, and behaviors: A social cognitive career theory perspective	1	X	Oeconomia Copernicana, p-ISSN 2083-1277; e-ISSN 2353-1827	Google scholar: 1	ISI (SSCI); IF = 6.574; Scopus Q1	Vol.14, No.1, 355-388, DOI: 10.24136/oc.2023.010	3/2023
33	The effect of entrepreneurial education on entrepreneurial intention among master students: prior self-employment experience as a moderator	5		Central European Management Journal, ISSN: 2658-0845 eISSN: 2658-2430		ISI (ESCI); Scopus Q3	Vol. 31 No. 1, pp. 30-47. DOI: 10.1108/CEMJ-10-2021-0116	3/2023

34	Applying the stimulus-organism-response theory to investigate determinants of students' social entrepreneurship: moderation role of perceived university support	1	X	Social Enterprise Journal, ISSN: 1750-8614	Google scholar: 3	ISI (ESCI); Scopus Q1	Vol. 19 No. 2, pp. 167-192. https://doi.org/10.1108/SEJ-10-2022-0091	2/2023
35	A serial mediation model of entrepreneurial education and entrepreneurial intention: a social cognitive career theory approach	6	x	International Journal of Innovation Science, ISSN: 1757-2223		ISI (ESCI); Scopus Q1	Vol. ahead-of-print No. ahead-of-print, pp.1-16. https://doi.org/10.1108/IJIS-10-2022-0207	2/2023
36	Using a unified model of TPB, NAM and SOBC to understand students' energy saving behaviors: moderation role of group-level factors and media publicity	1	X	International Journal of Energy Sector Management, ISSN:1750-6220	Google scholar: 3	ISI (ESCI); Scopus Q2	Vol. ahead-of-print No. ahead-of print, pp. 1-23, DOI: 10.1108/IJESM-09-2022-0017	1/2023
37	Entrepreneurial education, government policies and programmes, and entrepreneurial behaviour: A serial moderated mediation model.	5	X	Entrepreneurial Business and Economics Review, e-ISSN: 2353-8821; ISSN: 2353-883X	Google scholar: 4	ISI (ESCI); Scopus Q1	Vol. 10 No. 4, pp. 37-54. DOI: 10.15678/EBER.2022.100403	12/2022
38	Cultural values and energy-saving attitude-intention-behavior linkages among urban residents: a serial multiple mediation analysis based on stimulus-organism-response model.	1	X	Management of Environmental Quality, ISSN: 1477-7835	Google scholar: 1	ISI (ESCI); Scopus Q1	Vol. 34 No. 3, pp. 647-669. DOI: 10.1108/MEQ-09-2022-0258	12/2022

39	Entrepreneurial orientation, entrepreneurial resources, and entrepreneurial success: The need for further exploration	1	X	Revista CEA, ISSN: 2390-0725 e-ISSN 2422-3182			Vol. 8 No. 18, pp. 1-5. DOI: 10.22430/24223182.2648	9/2022
40	Entrepreneurial fear of failure and the attitude-intention-behavior gap in entrepreneurship: A moderated mediation model	1	X	The International Journal of Management Education, ISSN: 1472-8117	Google scholar: 18	ISI (SSCI); IF = 4.564/ Scopus Q1	Vol. 20 No. 3, pp. 1-15. DOI: 10.1016/j.ijme.2022.100707	9/2022
41	The role of perceived environmental responsibility and environmental concern on shaping green purchase intention	5	X	Vision: The Journal of Business Perspective, ISSN: 2249-5304	Google scholar: 9	ISI (ESCI); Scopus Q3	Vol. ahead-of-print No. ahead-of print, pp. 1-15, DOI: 10.1177/09722629221092117	4/2022
42	Moderating effects of Covid-19-related psychological distress on the cognitive process of entrepreneurship among higher education students in Vietnam	6	X	Higher Education, Skills and Work-Based Learning, ISSN: 2042-3896	Google scholar: 7	ISI (ESCI); Scopus Q2	Vol. 12 No. 5, pp. 944-962. DOI: 10.1108/HE-SWBL-01-2022-0006	03/2022
43	Psychological distress related to Covid-19 in healthy public (CORPD): A statistical method for assessing the validation of scale	1	X	MethodsX, ISSN: 2215-0161		ISI (ESCI); Scopus Q2	Vol. 9, pp. 1-8, DOI: 0.1016/j.me.x.2022.101645	2/2022
44	The effects of transformational leadership on employee creativity in Vietnam telecommunications enterprises	4		Management Decision, ISSN: 0025-1747	Google scholar: 7	ISI (SSCI); IF = 5.534/ Scopus Q1	Vol. 60 No. 3, pp. 837-857. DOI: MD-07-2020-0882	02/2022

45	UPPS impulsivity, entrepreneurial self-efficacy and entrepreneurial intentions among university students: ADHD symptoms as a moderator	5		Journal of Applied Research in Higher Education ISSN: 2050-7003	Google scholar: 13	ISI (ESCI); Scopus Q2	Vol. 15 No. 2, pp. 473-495. DOI: 10.1108/JARHE-12-2021-0464	02/2022
46	The Role of Trait Competitiveness and Entrepreneurial Alertness in the Cognitive Process of Entrepreneurship: A Cross-Cultural Comparative Study between Vietnam and Poland.	3	X	Journal of Competitiveness, e-ISSN 1804-1728 ISSN 1804-171X	Google scholar: 6	ISI (SSCI); IF = 4.725/ Scopus Q1	Vol. 13 No. 4, pp. 25-42. DOI: 10.7441/joc.2021.04.02	12/2021
47	Antecedents of Green Purchase Intention: A Cross-Cultural Empirical Evidence from Vietnam and Poland	3	X	Oeconomia Copernicana, p-ISSN 2083-1277; e-ISSN 2353-1827	Google scholar: 15	ISI (SSCI); IF = 6.574; Scopus Q1	Vol.12, No.4, 869-891, DOI: 10.24136/oc.2021.031	12/2021
48	Exploring the link between entrepreneurship education and entrepreneurial intentions: The moderating role of entrepreneurial fields	1	X	Education + Training, ISSN: 0040-0912	Google scholar: 27	ISI (SSCI); IF = 3.469; Scopus Q1	Vol. 64 No. 7, pp. 869-891. DOI: 10.1108/ET-05-2021-0173	11/2021
49	Environmental corporate social responsibility initiatives and green purchase intention: An application of the extended theory of planned behavior	5		Social Responsibility Journal, ISSN: 1747-1117	Google scholar: 20	ISI (ESCI); Scopus Q1	Vol. 18 No. 8, pp. 1627-1645. DOI: SRJ-06-2021-0220	11/2021
50	Academic entrepreneurship: An empirical research of invention commercialization.			Central European Business Review, ISSN: 1805-4854	Google scholar: 7	ISI (ESCI); Scopus Q3	Vol. 10 No. 4, pp.33-61. DOI: 10.18267/j.cibr.265	9/2021

51	Entrepreneurial behaviour: The effects of fear and anxiety of Covid-19 and business opportunity recognition	5	X	Entrepreneurial Business and Economics Review, e-ISSN: 2353-8821; ISSN: 2353-883X	Google scholar: 63	ISI (ESCI); Scopus Q1	Vol. 9 No. 3, pp. 7-23. DOI: 10.15678/EBER.2021.090111	9/2021
52	Big-Five personality traits and green consumption: Bridging the attitude-intention-behavior gap	1	X	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics, ISSN: 1355-5855	Google scholar: 19	ISI (SSCI); IF = 4.643; Scopus Q1	Vol. 34 No. 6, pp. 1123-1144. DOI: APJML-04-2021-0276	6/2021
53	Impulsivity traits and the rational cognitive process of entrepreneurship: Empirical evidence from Vietnam	6		Asia-Pacific Journal of Business Administration, ISSN: 1757-4323		ISI (ESCI); Scopus Q2	Vol. 13 No. 4, pp. 497-519. DOI: 10.1108/APJBA-05-2021-0200	6/2021
54	ADHD symptoms and entrepreneurial intention among Vietnamese college students: An empirical study	2	X	Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies, ISSN: 2053-4604	Google scholar: 15	ISI (ESCI); Scopus Q1	Vol. 14 No. 3, pp. 495-522. DOI: 10.1108/JEE-E-02-2021-0049	4/2021
55	Dataset on the effect of perceived educational support on entrepreneurial intention among Vietnamese students	2	X	Data in Brief, ISSN: 2352-3409	Google scholar: 11	ISI (ESCI); Scopus Q2	Vol. 35, pp.1-10. DOI: 10.1016/j.dib.2021.106761	4/2021
56	The impact of fear and anxiety of Covid-19 on life satisfaction: Psychological distress and sleep disturbance as mediators	1	X	Personality and Individual Differences, ISSN: 0191-8869	Google scholar: 136	ISI (SSCI); IF = 3.950; Scopus Q1	Vol. 178, pp.1-11. DOI: 10.1016/j.paid.2021.110869	03/2021
57	The moderating role of self-efficacy on the cognitive process of entrepreneurship: An empirical study in Vietnam	1	X	Journal of Entrepreneurship, Management and Innovation, ISSN 2299-7075	Google scholar: 17	ISI (ESCI); Scopus Q2	Vol. 17 No. 1, pp. 147-174. DOI: 10.7341/20211715	3/2021

58	The role of contextual factors on predicting entrepreneurial intention among Vietnamese students	1	X	Entrepreneurial Business and Economics Review, e-ISSN: 2353-8821; ISSN: 2353-883X	Google scholar: 22	ISI (ESCI); Scopus Q1	Vol. 9 No. 1, pp. 169-188. DOI: 10.15678/EBER.2021.090111	3/2021
II.2 Tạp chí khoa học trong nước								
59	Mô hình nghiên cứu lựa chọn khởi sự kinh doanh toàn thời gian của doanh nhân kết hợp	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 312, trang 21-29. DOI: 10.33301/JED.VI.1107	6/2023
60	Nghiên cứu ảnh hưởng của vốn quan hệ xã hội tới dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 306, trang 81-100	12/2022
61	Nghiên cứu ảnh hưởng của sự tự tin năng lực khởi sự tới dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên Ba Lan	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, ISSN: 0868-3581			Số 9 (264), trang 33-47	9/2022
62	Ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa đến hành vi tiêu dùng xanh: Ứng dụng và mở rộng lý thuyết hành vi có kế hoạch	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số 302(2), trang 121-132	8/2022
63	Đề xuất mô hình lý thuyết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới ý định tiêu dùng thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam	3		Tạp chí tâm lý học, ISSN: 1859-0098			Số 6 (267), trang 46-64	6/2021
64	Mối quan hệ giữa yếu tố tâm lý và quyết định sử dụng hình thức học tập blended learning trong bối cảnh đại dịch Covid-19	5		Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, ISSN: 0868-3581			Số 4 (247), trang 55-67	03/2021

II.3 Hội thảo khoa học quốc tế								
65	Factors affecting desirability of becoming an entrepreneur in the future	6	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Developing Business leaders for a better tomorrow”, Hanoi, Vietnam, ISBN: 978-604-330-013-0			94-111	12/2021
II.4 Hội thảo khoa học quốc gia								
66	Tác động của cuộc cách mạng 4.0 tới ngành sản xuất vật liệu xây dựng tại Việt Nam	3		Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Năng lực, chất lượng và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, ISBN: 978-604-946-962-6			77-93	12/2020
67	Tổng quan về vườn ươm và thực trạng hoạt động của các vườn ươm trong ngành Thủy sản	4	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian trên thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam”, ISBN: 978-604-946-962-6			169-181	9/2020
68	Các hình thức hoạt động của các tổ chức trung gian khoa học công nghệ trong ngành Thủy sản Việt Nam	5	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian trên thị trường khoa			224-238	9/2020

			học và công nghệ Việt Nam”, ISBN: 978-604-946-962-6				
69	Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ ở một số quốc gia trên thế giới: Chính sách phát triển và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	3	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian trên thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam”, ISBN: 978-604-946-916-9			119-133	9/2020

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

- Hướng nghiên cứu 1: : Số thứ tự [1], [3], [4], [5], [13], [14], [16], [17], [18], [29], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [37], [39], [40], [42], [45], [46], [48], [50], [51], [53], [54], [55], [57], [58], [59], [60], [61], [65] (35/69 bài báo)
- Hướng nghiên cứu 2: Số thứ tự [2], [7], [8], [19], [21], [22], [23], [25], [27], [36], [38], [41], [47], [49], [52], [62], [63], [64] (18/69 bài báo).
- Hướng nghiên cứu 3: Số thứ tự [6], [9], [10], [11], [12], [20], [24], [26] [28], [43], [44], [56], [66], [67], [68], [69] (16/69 bài báo).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Dương Công Doanh